

**A. Thông tin phòng thí nghiệm (PTN)**

1. Tên đơn vị: .....
2. Tên PTN: .....
3. Địa chỉ liên lạc: .....
4. Điện thoại: ..... Fax : .....
5. Tên người liên hệ 1 (**bắt buộc**): ..... Chức vụ: .....  
E-mail (**bắt buộc**): ..... Di động: .....  
Tên người liên hệ 2 (**bắt buộc**): ..... Chức vụ: .....  
E-mail (**bắt buộc**): ..... Di động: .....
6. Địa chỉ nhận mẫu (nếu khác mục 3): .....

**B. Thông tin thanh toán**

7. Hình thức thanh toán:       Tiền mặt       Chuyển khoản
8. Xuất hóa đơn trước:       Không       Có (*Lưu ý: PTN thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn*)
9. Thông tin thể hiện trên hóa đơn:  
Mã số thuế: .....
- Tên đơn vị (nếu khác mục 1): .....
- Địa chỉ (nếu khác mục 3): .....

**C. Thông tin đăng ký**

PTN chúng tôi đăng ký tham gia (các) chương trình TNTT do Trung tâm Kỹ thuật 3 tổ chức trong tháng 08/2021 như sau:

**10. Lĩnh vực vi sinh**

Mã chương trình	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng mẫu gửi	Phí tham gia (VNĐ)
<b>QPT 14/21</b> (*)	Nước uống	<input type="checkbox"/> Định lượng bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 500 mL	<b>2.500.000</b>
<b>QPT 20/21</b>	Sữa bột	<input type="checkbox"/> Định tính <i>Listeria monocytogenes</i>	Không quy định	01 cặp mẫu/PTN tương đương 25 g	<b>3.000.000</b>
<b>QPT 24/21</b>	Thịt	<input type="checkbox"/> Định lượng tổng số vi khuẩn kỵ khí khử sulfite (*) <input type="checkbox"/> Định lượng <i>Clostridium perfringens</i>	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 10 g	<b>2.500.000/01</b> <i>chỉ tiêu</i> <b>3.000.000/02</b> <i>chỉ tiêu trở lên</i>

Mã chương trình	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng mẫu gửi	Phí tham gia (VNĐ)
<b>QPT 29/21</b>	Thức ăn chăn nuôi	<input type="checkbox"/> Định lượng tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) <input type="checkbox"/> Định lượng Coliforms <input type="checkbox"/> Định lượng <i>Escherichia coli</i>	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu tương đương 10 g	<b>2.500.000/01 chỉ tiêu</b> <b>3.000.000/02 chỉ tiêu trở lên</b>
<b>QPT 34/21</b>	Thủy hải sản (cá)	<input type="checkbox"/> Định tính <i>Salmonella</i> spp.	Không quy định	01 cặp mẫu/PTN tương đương 25 g	<b>3.000.000</b>
<b>QPT 110/21 (*)</b>	Thủy hải sản (cá)	<input type="checkbox"/> Định tính <i>Vibrio cholerae</i>	Không quy định	01 cặp mẫu/PTN tương đương 25 g	<b>3.000.000</b>

**11. Lĩnh vực hóa**

Mã chương trình	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng mẫu gửi	Phí tham gia (VNĐ)
<b>QPT 90/21</b>	Dầu bôi trơn	<b>Nhóm chỉ tiêu 1</b> <input type="checkbox"/> Độ nhớt động học ở 40 °C, mm <sup>2</sup> /s <input type="checkbox"/> Độ nhớt động học ở 100 °C, mm <sup>2</sup> /s <input type="checkbox"/> Chỉ số độ nhớt <input type="checkbox"/> Trị số kiềm tổng (TBN), mg KOH/g <input type="checkbox"/> Nhiệt độ chớp cháy cốc hở, °C <input type="checkbox"/> Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m <sup>3</sup>	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 01 lít	- Các chỉ tiêu 1: <b>4.000.000</b> - Các chỉ tiêu 2: <b>4.000.000</b> - Nếu tham gia các chỉ tiêu 1 và 2: <b>6.000.000</b>
		<b>Nhóm chỉ tiêu 2</b> <input type="checkbox"/> Độ tạo bọt, mL <input type="checkbox"/> Hàm lượng nước, % (v/v) <input type="checkbox"/> Tổng hàm lượng kim loại (Ca, Mg, Zn), % (m/m) <input type="checkbox"/> Ăn mòn lá đồng <input type="checkbox"/> Cặn cơ học (cặn pentan), % (m/m)		01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 0,5 lít	
<b>QPT 44/21</b>	Nước tương	<input type="checkbox"/> Nitơ tổng số, g/100 mL <input type="checkbox"/> NaCl, g/100 mL <input type="checkbox"/> Axit (theo axit axetic), g/100 mL	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 100 mL	<b>3.000.000</b>
<b>QPT 49/21</b>	Sữa bột	<input type="checkbox"/> Protein, % (m/m) <input type="checkbox"/> Béo, % (m/m) <input type="checkbox"/> Tro tổng, % (m/m)	Không quy định	01 mẫu/PTN khoảng 50 g	<b>3.000.000</b>
<b>QPT 57/21</b>	Nước giải khát	<input type="checkbox"/> Pb, mg/L <input type="checkbox"/> Cd, mg/L <input type="checkbox"/> As, mg/L <input type="checkbox"/> Cu, mg/L <input type="checkbox"/> Zn, mg/L <input type="checkbox"/> Sn, mg/L	Không quy định	01 mẫu/PTN khoảng 100 mL	<b>3.000.000</b>

Mã chương trình	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng mẫu gửi	Phí tham gia (VNĐ)
<b>QPT 58/21</b>	Rượu	<input type="checkbox"/> Ethanol, % (v/v) <input type="checkbox"/> Aldehyde, mg/L còn 100° <input type="checkbox"/> Ester, mg/L còn 100° <input type="checkbox"/> Methanol, mg/L còn 100° <input type="checkbox"/> Furfural, mg/L	Không quy định	01 mẫu/PTN <i>khoảng 01 lít</i>	<b>3.500.000</b>
<b>QPT 69/21</b>	Phân bón hữu cơ (hàm lượng thấp)	<input type="checkbox"/> Nitơ tổng số, % (m/m) <input type="checkbox"/> P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> hữu hiệu, % (m/m) <input type="checkbox"/> P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> hòa tan (*), % (m/m) <input type="checkbox"/> K <sub>2</sub> O hữu hiệu, % (m/m)	Không quy định	01 mẫu/PTN <i>khoảng 50 g</i>	<b>2.500.000</b>
<b>QPT 81/21</b>	Đất	<input type="checkbox"/> Pb, mg/kg <input type="checkbox"/> Cd, mg/kg <input type="checkbox"/> As, mg/kg <input type="checkbox"/> Cu, mg/kg <input type="checkbox"/> Zn, mg/kg <input type="checkbox"/> Hg, mg/kg	Không quy định	01 mẫu/PTN <i>khoảng 50 g</i>	<b>3.500.000</b>
<b>QPT 82/21 (*)</b>	Bao bì nhựa tiếp xúc thực phẩm	<input type="checkbox"/> As, mg/kg <input type="checkbox"/> Ba, mg/kg <input type="checkbox"/> Cd, mg/kg <input type="checkbox"/> Cr, mg/kg <input type="checkbox"/> Hg, mg/kg <input type="checkbox"/> Pb, mg/kg <input type="checkbox"/> Zn, mg/kg	Không quy định	01 mẫu/PTN	<b>3.500.000</b>
<b>QPT 83/21 (*)</b>	Bao bì/ dụng cụ nhựa tiếp xúc thực phẩm	<input type="checkbox"/> Diphenyl carbonat, µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT hoặc các phương pháp tương đương khác	01 mẫu/PTN	<b>3.000.000</b>
<b>QPT 40/21 (*)</b>	Rau quả	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật <b>Nhóm chỉ tiêu 1</b> <input type="checkbox"/> Chlopyrifos methyl <input type="checkbox"/> Chlopyrifos ethyl <input type="checkbox"/> Malathion <input type="checkbox"/> Ethyl parathion <input type="checkbox"/> Methyl parathion <input type="checkbox"/> Fenitrothion <input type="checkbox"/> Dianizon <input type="checkbox"/> Endosulfan sulfate <input type="checkbox"/> Heptachlor  <b>Nhóm chỉ tiêu 2</b> <input type="checkbox"/> Aldicarb <input type="checkbox"/> Carbofuran <input type="checkbox"/> Indoxacarb <input type="checkbox"/> Carbaryl <input type="checkbox"/> Imidacloprid <input type="checkbox"/> Thiamethoxam <input type="checkbox"/> Dimethoate	Không quy định	01 mẫu/PTN <i>khoảng 200 g</i>	- Các chỉ tiêu 1: <b>6.000.000</b> - Các chỉ tiêu 2: <b>6.000.000</b> - Nếu tham gia các chỉ tiêu 1 và 2: <b>10.000.000</b>
<b>QPT 47/21</b>	Thịt và sản phẩm thịt	<input type="checkbox"/> Ẩm, % (m/m) <input type="checkbox"/> Protein, % (m/m) <input type="checkbox"/> Béo, % (m/m) <input type="checkbox"/> Tro tổng, % (m/m)	Không quy định	01 mẫu/PTN <i>khoảng 80 g</i>	<b>2.500.000</b>

**12. Lĩnh vực vật liệu xây dựng**

Mã chương trình	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Số lượng mẫu gửi	Phí tham gia (VNĐ)
Mẫu xi măng Cơ lý <b>QPT 94/21</b>	Xi măng	<input type="checkbox"/> Cường độ nén 3 ngày, MPa <input type="checkbox"/> Cường độ nén 28 ngày, MPa <input type="checkbox"/> Lượng nước tiêu chuẩn, % <input type="checkbox"/> Thời gian bắt đầu đông kết, min <input type="checkbox"/> Thời gian kết thúc đông kết, min <input type="checkbox"/> Độ ổn định thể tích Le Chatelier, mm <input type="checkbox"/> Phần còn lại trên sàng 0,09 mm, % <input type="checkbox"/> Khối lượng riêng, g/cm <sup>3</sup> <input type="checkbox"/> Độ mịn bề mặt riêng, cm <sup>2</sup> /g	Tiêu chuẩn <b>TCVN</b> hoặc các phương pháp tương đương khác	01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 5 kg	<b>3.000.000</b>
Mẫu xi măng Thành phần hóa <b>QPT 95/21</b>	Xi măng	<input type="checkbox"/> Cặn không tan, % (m/m) <input type="checkbox"/> SO <sub>3</sub> , % (m/m) <input type="checkbox"/> MgO, % (m/m) <input type="checkbox"/> Na <sub>2</sub> O hòa tan, % (m/m) <input type="checkbox"/> K <sub>2</sub> O hòa tan, % (m/m) <input type="checkbox"/> CaO, % (m/m) <input type="checkbox"/> Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , % (m/m) <input type="checkbox"/> Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> , % (m/m) <input type="checkbox"/> SiO <sub>2</sub> , % (m/m) <input type="checkbox"/> Mất khi nung, % (m/m) <input type="checkbox"/> Clorua (Cl <sup>-</sup> ), % (m/m)	Không quy định	01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 50 g	<b>3.000.000</b>
Mẫu xi măng Cơ lý <b>QPT 96/21</b>	Xi măng	<input type="checkbox"/> Cường độ nén 3 ngày, psi <input type="checkbox"/> Cường độ nén 7 ngày, <sup>(*)</sup> psi <input type="checkbox"/> Cường độ nén 28 ngày, psi <input type="checkbox"/> Lượng nước tiêu chuẩn, % <input type="checkbox"/> Thời gian bắt đầu đông kết, min <input type="checkbox"/> Thời gian kết thúc đông kết, min <input type="checkbox"/> Độ giãn nở Autoclave, <sup>(*)</sup> % <input type="checkbox"/> Khối lượng riêng, g/cm <sup>3</sup> <input type="checkbox"/> Độ mịn bề mặt riêng, cm <sup>2</sup> /g	Tiêu chuẩn <b>ASTM</b> hoặc các phương pháp tương đương khác	01 mẫu/PTN mỗi mẫu khoảng 10 kg	<b>3.000.000</b>

**Lưu ý:**

- Phí tham gia đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT 5%) và phí vận chuyển.
- Trong trường hợp PTN áp dụng các phương pháp thử khác so với yêu cầu, vui lòng liên hệ với Ban tổ chức trước khi đăng ký.
- Đối với các chương trình TNTT lĩnh vực vi sinh, PTN có thể thực hiện và báo cáo kết quả theo đơn vị tính CFU, MPN (hoặc cho cả 02 đơn vị tính với phí tham gia không đổi).
- Đối với các PTN có nhu cầu mua thêm mẫu TNTT, vui lòng liên hệ với Ban tổ chức để được báo giá cụ thể (tùy theo chương trình và nền mẫu, tối thiểu 600.000 đồng/mẫu).
- <sup>(\*)</sup> Chương trình/chỉ tiêu chưa được công nhận phù hợp theo ISO 17043:2010 bởi cơ quan công nhận The American Association for Laboratory Accreditation (A2LA) - Hoa Kỳ, Certificate number: 3477.01. PTN có thể tham khảo thêm thông tin công nhận theo đường dẫn sau <http://www.a2la.org/scopepdf/3477-01.pdf>

- Các chương trình không đủ số lượng PTN đăng ký tối thiểu là 10 PTN thì có thể bị hoãn hoặc hủy (tùy tình hình thực tế) và sẽ thông báo cụ thể đến PTN.
- Chương trình QPT 110/21 được tổ chức bổ sung so với kế hoạch ban đầu và dự kiến gửi mẫu trong tháng 08/2021.
- Theo kế hoạch ban đầu, chương trình TNTT QPT 40/21 và QPT 47/21 được dự kiến tổ chức vào tháng 07/2021. Do số lượng PTN đăng ký tham gia không đạt theo yêu cầu nên được gia hạn đăng ký đến 15/08/2021.

**D. Chính sách đăng ký tham gia**

13. Thời gian nhận đăng ký: **trước ngày 15/07/2021.**
14. PTN có trách nhiệm đảm bảo tính xác thực các thông tin đã cung cấp trong phiếu đăng ký. Đề nghị PTN ký tên, đóng dấu và ghi rõ (đánh dấu chọn ) chương trình và chỉ tiêu cần tham gia vào phiếu đăng ký trước khi gửi về cho Ban tổ chức.
- Sau khi nhận được phiếu đăng ký, Ban tổ chức sẽ gửi thông tin xác nhận đến PTN qua e-mail được cung cấp ở mục 5. Nếu không nhận được e-mail xác nhận, đề nghị PTN chủ động liên hệ với Ban tổ chức qua điện thoại.
- Theo chính sách bảo mật, Ban tổ chức chỉ thông báo kết quả tham gia TNTT, mã số PTN... cho người liên hệ, e-mail được cung cấp ở mục 5.
- Tất cả thông tin liên quan đến chương trình TNTT sẽ được thông báo qua e-mail được cung cấp ở mục 5.
15. Thay đổi hoặc hủy chương trình (dựa trên yêu cầu bằng văn bản hoặc e-mail của PTN)
- Thay đổi địa chỉ nhận mẫu sau khi Ban tổ chức đã gửi mẫu: thu 100 % phí vận chuyển khi gửi lại mẫu;
  - Hủy đăng ký khi đã hết thời hạn nhận/hủy đăng ký nhưng Ban tổ chức chưa gửi mẫu: thu 20 % phí tham gia/chương trình;
  - Hủy đăng ký sau khi Ban tổ chức đã gửi mẫu: thu 50 % phí tham gia/chương trình.
16. Phiếu đăng ký có thể gửi qua e-mail hoặc bưu điện đến địa chỉ sau:

Người liên hệ: Mai Nhã Uyên - Phòng Thử nghiệm Thành thạo  
Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3  
Số 7, Đường số 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai  
Điện thoại: (0251) 383 6212 (Ext: 3312) - Fax: (0251) 882 6917 / (0251) 383 6298  
E-mail: ptprovider@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn

Ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện đơn vị

(Họ tên/Chức vụ)

Đại diện Phòng thí nghiệm

(Họ tên/Chức vụ)

.....

.....